

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH PKF Việt Nam.

Công ty CP Hăng Sơn Đông Á (Công ty) xin giải trình với Quý Ủy Ban và Quý Sở về sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế (LNST) so với cùng kỳ năm trước. cũng như sự chênh lệch LNST của BCTC trước và sau kiểm toán như sau:

1. Chênh lệch LNST trên BCTC (Hợp nhất) đã kiểm toán năm nay và năm trước:

ĐVT: VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | BCTC hợp nhất đã kiểm toán | | Chênh lệch | |
|----|-----------------------------------|----------------------------|-----------------|------------------|-----------|
| | | Năm 2022 | Năm 2021 | Giá trị | Tỷ lệ +/- |
| 1 | Doanh thu thuần BH và CCDV | 243,492,106,916 | 268,425,564,267 | (24,933,457,351) | -9% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 150,642,144,826 | 150,506,816,235 | 135,328,591 | 0% |
| 3 | Doanh thu tài chính | 167,898,663 | 217,627,091 | (49,728,428) | -23% |
| 4 | Chi phí tài chính | 5,455,196,012 | 4,491,330,351 | 963,865,661 | 21% |
| 5 | Chi phí bán hàng | 60,964,885,301 | 59,532,643,492 | 1,432,241,809 | 2% |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21,695,519,182 | 19,461,049,671 | 2,234,469,511 | 11% |
| 7 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 5,026,214,990 | 34,909,241,773 | (29,883,026,783) | -86% |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 2,915,204,760 | 28,470,884,332 | (25,555,679,572) | -90% |

Lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất năm 2022 đạt 2,915 tỷ đồng, giảm 25,555 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 90% so với năm 2021. Nguyên nhân là do:

Giá vốn hàng bán năm 2022 tương đương với năm 2021 cùng kỳ trong khi đó Doanh thu thuần năm 2022 lại giảm mạnh so với năm 2021, cụ thể: Doanh thu thuần năm 2022 đạt 243,492 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 9%.

Ngoài ra, các Chi phí tài chính, chi phí Quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng trong năm đều tăng hơn so với năm trước, cụ thể, Chi phí tài chính tăng 0,964 tỷ, tỷ lệ tăng 18%; chi phí bán hàng tăng 1,432 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 2%; và chi phí QLDN tăng 2,234 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 11% so với năm 2021 cùng kỳ.

Đây là nguyên nhân chính ảnh hưởng tới kết quả LNST đã nêu ở trên.

2. Chênh lệch LNST trên BCTC riêng (Công ty mẹ) đã kiểm toán năm nay và năm trước:

ĐVT: VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | Báo cáo riêng đã kiểm toán | | Chênh lệch | |
|----|-----------------------------------|----------------------------|-----------------|------------------|-----------|
| | | Năm 2022 | Năm 2021 | Giá trị | Tỷ lệ +/- |
| 1 | Doanh thu thuần BH và CCDV | 136,802,527,741 | 155,257,169,420 | (18,454,641,679) | -12% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 116,607,754,685 | 121,545,467,595 | (4,937,712,910) | -4% |
| 3 | Doanh thu tài chính | 8,688,457,753 | 17,468,530,709 | (8,780,072,956) | -50% |
| 4 | Chi phí tài chính | 4,876,432,701 | 2,692,002,465 | 2,184,430,236 | 81% |
| 5 | Chi phí bán hàng | 8,460,712,497 | 7,634,607,030 | 826,105,467 | 11% |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 11,390,953,601 | 10,147,065,524 | 1,243,888,077 | 12% |
| 7 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4,593,924,324 | 30,965,637,473 | (26,371,713,149) | -85% |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 4,298,527,041 | 29,234,939,152 | (24,936,412,111) | -85% |



Doanh thu thuần giảm 18,4 tỷ đồng (tỷ lệ giảm 12%) trong bối cảnh các chi phí trong kỳ đều tăng, cụ thể: Chi phí tài chính tăng 2,2 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 81%), chi phí Bán hàng tăng 0,8 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 11%) và chi phí QLDN tăng 1,2 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 12%). Tổng hợp nguyên nhân trên đã ảnh hưởng tới LNST công ty mẹ năm 2022, cụ thể, LNST Công ty mẹ năm 2022 giảm 24,9 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 85% so với năm 2021.

3. Chênh lệch LNST trên BCTC (*Hợp nhất*) trước và sau kiểm toán:

| TT | Chỉ tiêu | BCTC Hợp nhất năm 2022 | | Chênh lệch | |
|----|-----------------------------------|------------------------|-----------------|---------------|-----------|
| | | Đã kiểm toán | Trước kiểm toán | Giá trị | Tỷ lệ +/- |
| 1 | Doanh thu thuần BH và CCDV | 243,492,106,916 | 244,077,294,336 | (585,187,420) | 0% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 150,642,144,826 | 149,823,121,302 | 819,023,524 | 1% |
| 3 | Doanh thu tài chính | 167,898,663 | 167,895,553 | 3,110 | 0% |
| 4 | Chi phí tài chính | 5,455,196,012 | 5,556,277,860 | (101,081,848) | -2% |
| 5 | Chi phí bán hàng | 60,964,885,301 | 61,380,662,148 | (415,776,847) | -1% |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21,695,519,182 | 22,197,356,689 | (501,837,507) | -2% |
| 7 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 5,026,214,990 | 5,271,251,666 | (245,036,676) | -5% |
| 8 | Thuế TNDN hiện hành | 1,525,465,702 | 1,377,758,172 | 147,707,530 | 11% |
| 9 | Thuế TNDN hoãn lại | 585,544,528 | - | 585,544,528 | - |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 2,915,204,760 | 3,893,493,494 | (978,288,734) | -25% |

4. Chênh lệch LNST trên BCTC riêng (*Công ty mẹ*) trước và sau kiểm toán:

| TT | Chỉ tiêu | BCTC Công ty mẹ năm 2022 | | Chênh lệch | |
|----|-----------------------------------|--------------------------|-----------------|---------------|-----------|
| | | Đã kiểm toán | Trước kiểm toán | Giá trị | Tỷ lệ +/- |
| 1 | Doanh thu thuần BH và CCDV | 136,802,527,741 | 136,611,931,988 | 190,595,753 | 0% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 116,607,754,685 | 115,837,547,362 | 770,207,323 | 1% |
| 3 | Doanh thu tài chính | 8,688,457,753 | 8,694,533,739 | (6,075,986) | 0% |
| 4 | Chi phí tài chính | 4,876,432,701 | 4,977,401,599 | (100,968,898) | -2% |
| 5 | Chi phí bán hàng | 8,460,712,497 | 8,206,729,726 | 253,982,771 | 3% |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 11,390,953,601 | 11,738,905,233 | (347,951,632) | -3% |
| 7 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4,593,924,324 | 4,984,673,848 | (390,749,524) | -8% |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 4,298,527,041 | 4,689,276,445 | (390,749,404) | -8% |

Qua quá trình kiểm toán, Báo cáo tài chính (*hợp nhất và riêng*) đã được điều chỉnh một số khoản mục chi phí nhằm đảm bảo phản ánh trung thực, hợp lý kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm. Cụ thể:

- Đối trừ doanh thu nội bộ/giá vốn giữa Công ty mẹ và các Công ty con.
- Điều chỉnh hạch toán và phân loại lại chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Thuế TNDN được xác định lại theo đúng quy định.

Vi vậy, dẫn tới sự chênh lệch giữa BCTC (*hợp nhất và riêng*) Quý IV/2022 và BCTC (*hợp nhất và riêng*) năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty như đã nêu ở trên.

Trên đây là giải trình của Công ty về sự chênh lệch của một số chỉ tiêu trên BCTC trước và sau kiểm toán, cũng như sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước.



Công ty cam kết các thông tin giải trình đã nêu trên là hoàn toàn trung thực và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Kính trình Quý Ủy ban và Quý Sở xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT.

**ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN SƠN

